

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ 30/10/2023 Tuần 8

STT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn		Số tiết
1	Trần Thị Thắm	HT			GDĐP(6B) ₁ + GDHN(9ABC) _{1,5}	2.5
2	Đặng Thị Ngọc Xuyên	TPT _{9,5}		Nhạc (6ABC,7ABC,8ABC,9C) ₁₀		19.5
3	Nguyễn Thị Hà		6B ₄	Văn (6B) ₄ + Văn (7ABC) ₁₂		20
4	Hà Thị Bích Liên			Văn(9AB) ₁₀ + Văn(6AC) ₈		18
5	Vũ Thị Nhung	TT ₃		Văn (8ABC,9C) ₁₇		20
6	Hà Thị Thanh Hoa	PCTCĐ ₃	7C ₄	Toán (7C,9B) ₈	TNHN(7C) ₃ + GDĐP(7C) ₁	19
7	Nguyễn Văn Hoa		9A ₄	Toán (9A7AB) ₁₂	TCT(9A) ₂ +NGLL(9AB) ₁	19
8	Nguyễn Minh Thu		8C ₄	Toán (8C) ₄ +Lý (9ABC) ₆	TNHN(8C) ₃ + TCT(9B) ₂	19
9	Hồ Trung Minh	PHT		Toán (8A) ₄		4
10	Nguyễn Thái Học		9C ₄	Hóa(9ABC) ₆ + KHTN(8ABC) ₁₂	TNHN(6A) ₃ + GDĐP(6A) ₁ +NGLL(9C) _{0,5}	26.5
11	Lê Thu Trang		9B ₄	Sinh (9ABC) ₆ +KHTN(7AB) ₈	GDĐP(6C) ₁	19
12	Nguyễn Thị Mai Hương			Sử(9ABC) ₃ +LS(6ABC) ₃ +LS(7ABC) ₆ +LS(8ABC) ₆		18
13	Nguyễn Thị Lương	TTND ₂	7A ₄	GDCD (7ABC, 8ABC, 9ABC,6CBA) ₁₂	TNHN(7A) ₃	21
14	Hoàng Bích Diệp	TP ₁	6A ₄	Anh(9C) ₂ +Anh(8ABC) ₉ +Anh(6A) ₃		19
15	Vương Thị Thu			Anh(7ABC) ₉ +Anh(6BC) ₆ +Anh(9AB) ₄		19
16	Phạm Văn Bình			TD(9ABC,7ABC,8ABC) ₁₈		18
17	Lê Văn Phúc			MT(6ABC,7ABC,8ABC) ₉ +TD(6ABC) ₆ + Nhạc (9AB) ₂	GDĐP(7AB) ₂	19
18	Nguyễn Thị Thu Hiền L			KHTN(6ABC) ₁₂	TNHN(6B) ₃	15
19	Nguyễn Thị Duyên	TP ₁	8B ₄	Toán(8B9C) ₈	TNHN(8B) ₃ +TCT(9C) ₂	18
20	Đặng Thị Thu	TT ₃	8A ₄	KHTN(7C) ₄ +CN(9C) ₁	TNHN(8A) ₃	15
21	Trần Thị Thu Hằng		6C ₄	Toán (6ABC) ₁₂	TNHN(6C) ₃	19
22	Nguyễn Thị Thu Hiền T	TKHĐ ₂ ,CNTT ₁	TQ ₁	Tin(6ABC7ABC8ABC) ₉	Tiểu học ₆	19
23	Lê Thị Cẩm Vân			Địa(9ABC) ₆ +DL(6ABC) ₆ + DL(7ABC) ₃ +DL(8ABC) ₃		18
24	Ngô Thị Ngọc Thủy		7B ₄	CN(8ABC) ₆ +CN(7ABC) ₃ + CN(6ABC) ₃ +CN(9BC) ₂	TNHN(7B) ₃	21

P.Hiệu trưởng

Hồ Trung Minh